TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-KDTM	*Tp K, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

Địa chỉ: Số B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tấn D; chức vụ: Quan hệ khách hàng; Địa chỉ: Số E T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV B.

Địa chỉ: Số A N, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tiến D1; chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Tiến D1, sinh năm 1981 và bà Ngô Thị Thanh T1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số A N, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH MTV B trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tính đến ngày 28/4/2025 tổng cộng là **2.780.663.784** *(Hai tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi tư)* đồng. Trong đó, tiền gốc là 2.399.999.833 *(Hai tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi ba)* đồng, tiền lãi trong hạn là 62.957.396 *(Sáu*

mươi hai triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi sáu) đồng, tiền lãi quá hạn là 310.256.415 *(Ba trăm mười triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm mười lăm)* đồng và tiền lãi chậm trả lãi là 7.450.140 *(Bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm bốn mươi nghìn)* đồng. Thời hạn trả tiền: Ngày 28/7/2025.

Lãi suất phát sinh: Kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV B còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.2. Nếu đến thời hạn trên mà Công ty TNHH MTV B không trả đúng hoặc trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thì Công ty TNHH MTV B, ông Phạm Tiến D1 và bà Ngô Thị Thanh T1 đồng ý để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh K như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 30267/19MN/HĐBĐ ngày 09/10/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 30267/19MN/HĐBĐ/PL01, ngày 14/02/2023. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, diện tích 6.049m^2, địa chỉ thôn E, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 993572 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 22/7/2019 mang tên bà Ngô Thị Thanh T1).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1916/20MN/HĐBĐ ngày 21/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 1916/20MN/HĐBĐ/PL01, ngày 09/6/2022. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với: Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 28, diện tích 26.309,1m^2, địa chỉ thôn E, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 800197 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 31/12/2019 mang tên ông Phạm Tiến D1 và bà Ngô Thị Thanh T1).

2.3. Kể từ ngày các đương sự thỏa thuận, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thì lãi suất mà Công ty TNHH MTV B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH MTV B phải chịu **43.806.637** *(Bốn mươi ba triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm ba mươi bảy)* đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H **42.312.324** *(Bốn mươi hai triệu, ba trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi bốn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000344 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ các Điều 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty TNHH MTV B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là **3.400.000** đồng. Vì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đã nộp tạm ứng nên Công ty TNHH MTV B phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H **3.400.000** *(Ba triệu, bốn trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trả sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Các đương sự thỏa thuận: Không yêu cầu lãi suất trong trường hợp chậm trả đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Kon Tum;
- Chi cục THA DS Tp Kon Tum;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỒNG THỊ BÌNH